

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 16/2017/HNGĐ - ST

Ngày 28-7-2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Kiên

2. Bà Quách Thị Tình

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 28/7/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 67/2017/TLST- HNGĐ ngày 18/4/2017 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quách Thị L, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt chị L vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2017, trong bản tự khai ngày 18/4/2017 cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị L trình bày: Chị và anh Lê Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/3/2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, nên luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng luôn cãi cọ, xúc phạm nhau, tuy đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không được. Chính vì vậy chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ cuối năm 2016 cho đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

- Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Lê Văn H, sinh ngày 24/01/2012. Ly hôn, chị yêu cầu giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 500.000đ, thời gian từ tháng 4/2017 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Văn T để làm bản tự khai nhưng anh T không có mặt nên không có lời khai của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đọc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Anh Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh T đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh T đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng anh T vẫn không có mặt nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh T.

HĐXX nhận thấy:

[2] Về hôn nhân: Chị Quách Thị L và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 20/3/2012 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, nên luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng luôn cãi cọ, xúc phạm nhau. Chị L đã về nhà bố mẹ đẻ từ cuối năm 2016 cho đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị L được ly hôn anh T.

[3] Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Lê Văn H, sinh ngày 24/01/2012. Ly hôn, chị L yêu cầu giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T, xét thấy cháu H từ khi bố mẹ ly thân vẫn ở với bố, nên chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng 500.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2017 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Chị L không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị L được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con cái: Giao con chung là cháu Lê Văn H, sinh ngày 24/01/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mỗi tháng

500.000đ(Năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2017 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng chị L cũng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Quách Thị L chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền chị L đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2013/ 04124 ngày 18/4/2017. Chị L còn phải nộp 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị L vắng mặt anh T. Chị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- VKSND Thạch Thành.
- Các đương sự.
- UBND xã T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cúc